

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo:	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
Mã số:	7810103
Loại hình đào tạo:	Chính quy

(Ban hành theo quyết định số 685/ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm với xã hội, phục vụ cộng đồng và sức khỏe tốt; Có kiến thức và kỹ năng thực hành cũng như năng lực chuyên môn về kinh tế, quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành đáp ứng theo yêu cầu công việc của xã hội ở các vị trí việc làm. Cung cấp nguồn nhân lực lữ hành chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế; có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành từ 2-3 năm, người học có khả năng:

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành.

PO2: Có năng lực phân tích, tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành, trong những bối cảnh khác nhau.

PO3: Thể hiện được các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng số và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường hội nhập, đa văn hóa.

PO4: Xác định nghề nghiệp rõ ràng, phong cách làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; có năng lực sáng tạo, xây dựng kế hoạch kinh doanh và dự án khởi nghiệp; có khả năng học tập suốt đời.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có khả năng:

PLO1: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn

PLO2: Vận dụng những kiến thức cơ bản của khoa học kinh tế, quản lý trong tổ chức hoạt động kinh doanh du lịch

PLO3: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành

PLO4: Phân tích môi trường kinh doanh, tổ chức quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành.

PLO5: Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ điều hành du lịch, nghiệp vụ bán hàng và marketing trong các công ty du lịch và lữ hành.

PLO6: Phân tích, xử lý tình huống liên quan để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh, phục vụ khách du lịch.

PLO7: Sử dụng được ngoại ngữ trong công việc chuyên môn, tiếng Anh đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam.

PLO8: Sử dụng tốt kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và thuyết trình

PLO9: Sử dụng được CNTT và các thiết bị làm việc cũng như các phần mềm chuyên ngành trong lĩnh vực du lịch lữ hành

PLO10: Thể hiện được khả năng dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ, chủ động đề xuất các giải pháp chuyên môn trong kinh doanh du lịch và lữ hành; xây dựng được kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp, có khả năng học tập suốt đời

PLO11: Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, nhiệt huyết, đam mê với nghề và thể hiện trách nhiệm với xã hội và ngành du lịch

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cơ sở kinh doanh du lịch: Hãng lữ hành, hãng vận chuyển, công ty tổ chức sự kiện và hội nghị, khách sạn, nhà hàng, khu du lịch. Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, chuyên gia thiết kế và phát triển sản phẩm lữ hành, tiếp thị và bán sản phẩm, điều hành thực hiện chương trình du lịch.
- Nhân viên, chuyên gia, cán bộ quản lý các cấp tại các bộ phận nghiệp vụ, các bộ phận hỗ trợ và phát triển và các bộ phận tổng hợp tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.
- Chuyên viên phụ trách quan hệ đối ngoại, marketing, chăm sóc khách hàng, tổ chức sự kiện hội nghị và dịch vụ bổ sung tại các cơ sở kinh doanh du lịch trong và ngoài nước.
- Trợ lý giám đốc công ty, giám đốc các dự án, các khu vực thị trường hoặc giám đốc các bộ phận chức năng như marketing, kỹ thuật, sản xuất, nhân sự, đối ngoại.

Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch: Vị trí làm việc có thể đảm nhận:

- Chuyên viên các phòng và trung tâm trực thuộc các Sở, ban ngành phụ trách về du lịch như: Phòng lữ hành, Quy hoạch tài nguyên du lịch, Nghiệp vụ du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, Tổ chức cán bộ, Tổng hợp, Thanh tra du lịch.
- Nghiên cứu viên nghiên cứu thị trường, quảng bá và xúc tiến du lịch; nghiên cứu phát triển và quản lý du lịch trong các viện nghiên cứu và quản lý du lịch.
- Chuyên gia, cán bộ quản lý, điều phối tại các dự án du lịch cộng đồng, dự án phi chính phủ về du lịch.
- Giảng viên giảng dạy về du lịch tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có đào tạo về du lịch.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác trong khối ngành Kinh tế.
- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của CTĐT										
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm với xã hội, phục vụ cộng đồng và sức khỏe tốt; Có kiến thức và kỹ năng thực hành cũng như năng lực chuyên môn về kinh tế, quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành đáp ứng theo yêu cầu công việc của xã hội ở các vị trí việc làm. Cung cấp nguồn nhân lực lữ hành chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và hội nhập quốc tế; có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp.												
Mục tiêu cụ thể												
PO1	Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành.	x										
PO2	Có năng lực phân tích, tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành, trong những bối cảnh khác nhau.		x	x	x							
PO3	Thể hiện được các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, kỹ năng số và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc trong môi trường hội nhập, đa văn hóa.					x	x	x	x	x		
PO4	Phân tích môi trường kinh doanh, tổ chức quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp dịch vụ du lịch và lữ hành										x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- | | |
|--|------------|
| • Khối kiến thức giáo dục đại cương: | 38 tín chỉ |
| • Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: | 98 tín chỉ |
| ○ <i>Phân lý thuyết</i> | 64 tín chỉ |
| ○ <i>Phân thực hành, thực tập, đồ án</i> | 25 tín chỉ |

○ *Khoá luận tốt nghiệp*

09 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) <i>(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)</i>					
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mác-Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		2		
	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>				
002468	1. Toán ứng dụng cho ngành DL & KS	KHƯĐ	2	(26, 8, 60)	x
001053	2. Đại số tuyến tính	KHƯĐ	2	(26, 8, 60)	
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		7		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002167	2. Kỹ năng nghề nghiệp - DL xử hành	DLKS	1	(15, 0, 30)	x
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	x
002102	4. Lịch sử văn minh thế giới	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001382	5. Cơ sở văn hóa Việt Nam-DLKS	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDQP	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP	2	(22, 16, 0)	x
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP	2	(4, 56, 0)	x
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)				
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		16		
	<i>Kiến thức bắt buộc</i>		9		
000564	1. Kinh tế vi mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001109	3. Tài chính - Tiền tệ	TCNH	3	(39,12,90)	x
000493	4. Quản trị học	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	x
	<i>Kiến thức tự chọn</i>		7		
002003	1. Thương mại điện tử-DLKS	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
000567	2. Nguyên lý thống kê	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001879	3. Nguyên lý thống kê kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
000681	4. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001212	5. Nguyên lý kế toán	KTKT	3	(39,12,90)	
000568	6. Pháp luật kinh tế	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
000484	7. Marketing căn bản	QT&MAR	2	(26, 8, 60)	
	2.2. Kiến thức chung của ngành		53		
	<i>2.2.1. Kiến thức bắt buộc</i>		33		
001981	1. Kinh tế du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001974	2. Địa lý du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001982	3. Pháp luật du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002006	4. Tin học ứng dụng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001985	5. Quản lý điểm đến du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001983	6. Marketing du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001989	7. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001987	8. Quản trị dịch vụ vận chuyển du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001958	9. Kiến tập tour	DL&KS	3	(0,180,0)	x
002477	10. Thực hành marketing trong kinh doanh du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002007	11. Tổ chức và điều hành tour	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002684	12. Thực tập tuyển điểm du lịch	DL&KS	2	(0,120,0)	x
	<i>2.2.2. Kiến thức tự chọn</i>				
	Các học phần (ngoại ngữ) tự chọn		6		
002004	1. Tiếng Anh du lịch căn bản 1	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002005	2. Tiếng Anh du lịch căn bản 2	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001545	3. Tiếng Trung 1		3	(39,12,90)	
001894	4. Tiếng Trung 2		3	(39,12,90)	
	Các học phần bổ trợ tự chọn		14		
001993	1. Tâm lý và giao tiếp trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	x
001978	2. Hành vi tiêu dùng trong du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002098	3. Văn hóa du lịch	DL&KS	2	(26, 8, 60)	
002000	4. Thực tập nghiệp vụ đại lý du lịch	DL&KS	2	(0,120,0)	

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002478	5. Thực hành khởi nghiệp trong du lịch và khách sạn	DL&KS	3	(0,90,90)	
001992	6. Quản trị tài chính trong du lịch và khách sạn	DL&KS	3	(39,12,90)	
001991	7. Quản trị rủi ro trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	
001998	8. Thực hành kinh doanh du lịch trực tuyến	DL&KS	3	(0,90,90)	x
002686	9. Kỹ năng bán hàng trong du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002687	10. Thực hành nghiệp vụ điều hành tour	DL&KS	2	(0,60,60)	x
002688	11. Hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(26,8,60)	x
002689	12. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DL&KS	2	(0,60,60)	x
001984	13. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	DL&KS	3	(0,90,90)	
002070	14. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	DL&KS	3	(0,90,90)	
002072	15. Nghiệp vụ ăn uống	DL&KS	3	(0,90,90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành:		29		
	Modun 1: Quản trị lữ hành				
001988	1. Quản trị kinh doanh lữ hành	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001986	2. Quản trị chiến lược trong tổ chức du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002002	3. Tuyển điểm du lịch	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001995	4. Thực tập nghiệp vụ lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	x
002685	13. Thực tập quản lý lữ hành	DL&KS	3	(0,180,0)	x
001996	5. Thực tập cuối khóa ngành DL&KS	DL&KS	5	(0,300,0)	x
001979	6. Khóa luận tốt nghiệp ngành DL&KS	DL&KS	9	(0,540,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
001975	1. Du lịch MICE	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001977	2. Du lịch văn hóa	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001976	3. Du lịch sinh thái	DL&KS	3	(39,12,90)	x
	Modun 2: Quản trị khách sạn (Áp dụng đến K16)		29		
002069	1. Quản trị kinh doanh khách sạn	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002071	2. Quản trị buồng khách sạn	DL&KS	3	(39,12,90)	x
001997	3. Quản trị kinh doanh nhà hàng	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002080	4. Thực tập nghiệp vụ khách sạn	DL&KS	3	(0,180,0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002481	5. Thực tập quản lý khách sạn	DL&KS	3	(0,180,0)	x
002076	5. Thực tập cuối khóa ngành QTKS	DL&KS	5	(0,300,0)	x
002482	6. Khóa luận tốt nghiệp ngành QTKS	DL&KS	9	(0,540,0)	
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
002073	Quản trị khu nghỉ dưỡng/resort	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002074	Quản trị an ninh, an toàn trong khách sạn	DL&KS	3	(39,12,90)	x
002075	Quản trị chất lượng dịch vụ	DL&KS	3	(39,12,90)	x

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - Thi học kỳ, dự trữ:
 - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)

- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long